

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 56/2026/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 130/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 24/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 261/2025/NĐ-CP, Nghị định số 291/2025/NĐ-CP, Nghị định số 50/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 230/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định các trường hợp khác được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 96/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Xét Tờ trình số 1454/TTr-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa

bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra số 199/BC-HĐND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đối với các trường hợp quy định tại khoản 15 Điều 38 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP; cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP quy định các trường hợp khác được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai số 31/2024/QH15, cụ thể:

1. Dự án xã hội hóa

a) Dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai số 31/2024/QH15, đáp ứng điều kiện thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định;

b) Cơ sở thực hiện xã hội hóa có dự án xã hội hóa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật, trong đó nội dung dự án đáp ứng danh mục các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn về xã hội hóa quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg về danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, Quyết định số 1255/QĐ-TTg ban hành Danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo và các Quyết định sửa đổi, bổ sung của Thủ tướng Chính phủ nhưng không thuộc trường hợp được miễn theo điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

2. Dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 mà đáp ứng điều kiện là dự án phi lợi nhuận theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân được Nhà nước cho thuê đất và được miễn tiền thuê đất theo quy định của Nghị quyết này.

2. Cơ quan nhà nước, các đối tượng khác liên quan đến việc thực hiện chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với dự án sử dụng đất quy định tại Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 3. Mức miễn tiền thuê đất đối với các dự án thuộc trường hợp quy định tại khoản 15 Điều 38 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP

Miễn tiền thuê đất sau thời gian được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP đối với các dự án sau:

1. Đối với các dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định

a) Miễn toàn bộ thời gian thuê đất đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thực hiện dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

b) Miễn 30 (ba mươi) năm đối với dự án sản xuất, kinh doanh thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án sản xuất, kinh doanh thuộc Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác, sử dụng công trình ngầm;

c) Miễn 25 (hai mươi lăm) năm đối với dự án sản xuất, kinh doanh đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án sản xuất, kinh doanh thuộc Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư; dự án sản xuất, kinh doanh thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

d) Miễn 20 (hai mươi) năm đối với dự án sản xuất, kinh doanh đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

đ) Miễn 15 (mười lăm) năm đối với dự án sản xuất, kinh doanh thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư.

2. Miễn toàn bộ thời gian thuê đất đối với dự án phi lợi nhuận.

Điều 4. Mức miễn tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa không thuộc trường hợp được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và khoản 15 Điều 38 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP, được Nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án xã hội hóa mà nội dung dự án đã được phê duyệt đáp ứng danh mục các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn về xã hội hóa theo quy định của Thủ tướng Chính phủ thì được miễn tiền thuê đất 15 (mười lăm) năm.

2. Thời gian miễn tiền thuê đất quy định tại khoản 1 Điều này được tính sau thời gian được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP.

Điều 5. Thời gian miễn tiền thuê đất đối với dự án có thời hạn hoạt động ngắn hơn thời gian được miễn tiền thuê đất

Đối với dự án có thời hạn hoạt động ngắn hơn thời gian được miễn tiền thuê đất theo quy định tại Nghị quyết này thì thời gian được miễn tiền thuê đất được tính bằng thời hạn hoạt động của dự án.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

Người sử dụng đất quy định tại Điều 1 Nghị quyết này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định miễn tiền thuê đất theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì việc áp dụng chế độ miễn tiền thuê đất kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực được thực hiện như sau:

1. Trường hợp mức miễn tiền thuê đất đang được hưởng cao hơn mức miễn tiền thuê đất quy định tại Nghị quyết này thì tiếp tục được hưởng mức miễn tiền thuê đất đó đối với thời gian được miễn tiền thuê đất còn lại;

2. Trường hợp mức miễn tiền thuê đất đang được hưởng thấp hơn mức miễn tiền thuê đất quy định tại Nghị quyết này thì được áp dụng mức miễn tiền thuê đất theo quy định của Nghị quyết này đối với thời gian miễn còn lại;

3. Trường hợp đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà đã hết thời gian được miễn tiền thuê đất theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì không áp dụng quy định của Nghị quyết này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 10 năm 2026.

2. Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đáp ứng điều kiện loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế.

4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

5. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa XI, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 25 tháng 9 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB và TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, P.CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Ngô Chí Cường

Ngô Chí Cường